

Bản án số: 12/2019/HS-ST
Ngày 19 - 4 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Nghĩa và ông Nguyễn Xuân Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:
Ông Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2019/TLST-HS ngày 14/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Thông T, sinh ngày 05/3/1998, tại xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình

Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Mai Thị N, sinh năm 1971; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/01/2019 cho đến nay. Theo lệnh trích xuất, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn T, sinh ngày 05/11/1989, tại xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình

Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C, sinh năm 1946 và bà Mai Thị T, sinh năm 1957; có vợ Đinh Thị Q và 02 con còn nhỏ; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Ông Mai Hoài P, sinh năm: 1959; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - có mặt

Những người làm chứng

- Anh Mai Hùng C, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - có mặt

- Anh Mai Văn L, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - có mặt

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn La, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - có mặt

- Anh Phạm Thế T, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt

- Anh Phạm Văn V, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt

- Anh Trần Trọng T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - có mặt

- Anh Tạ Văn C, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt

- Chị Hoàng Thị Ý, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt

- Anh Mai Xuân T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn , xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt

- Anh Trần Trung H, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 03/06/2018, Trần Văn T và Trần Thông T đi dự đám cưới của anh Trần Văn N được tổ chức tại sân trường Trung học cơ sở xã Q. Khi mọi người ra về, T và T cùng một số thanh niên trong xã tập trung lại thành hai bàn ngồi chơi. Đến khoảng 13 giờ 30 cùng ngày, T và T cùng một số thanh niên trong xã ra về. Khi ra đến cổng trường thì cả nhóm đứng lại chơi và rủ nhau đi hát karaoke. T đi vào trong rạp cưới để rủ anh Nghị đi cùng, nhưng anh Nghị không đi. Khi T đi đến khu vực giữa rạp cưới thì thấy anh Mai Văn L đang ngồi trên xe ba gác. Do có mâu thuẫn từ trước, T đi đến vị trí anh L đang ngồi, rồi dùng chân đá vào mặt anh L, nhưng anh L dùng tay đỡ được. Thấy vậy, ông Mai Hoài P (bố L) cùng Mai Hùng C (anh trai L) đang thu dọn loa máy gần đó chạy đến, ông P nói “Mi mần cầy chi rứa thằng tề”. Thấy ba cha con ông P chạy tới, T chạy ra vị trí gần cổng đám cưới lấy 02 vỏ chai bia đã sử dụng để trong hai thùng bia cầm ở hai tay chạy vào vị trí ba cha con ông P đang đứng. Khi khoảng cách hai bên còn khoảng hơn 01m (một mét), T cầm hai vỏ chai bia ở hai tay ném về hướng về phía ông P đang đứng đối diện thì 01 vỏ chai bia ở tay trái bị trượt, còn 01 vỏ chai bia ở tay phải trúng vào vùng trán của ông P. Khi bị ném trúng trán, ông P lấy hai tay ôm đầu, kêu lên “Vơ làng nước ơi cứu tôi với thằng T đập tui lỗ máu rồi”. Thấy vậy, anh C chạy đến chỗ hộp đựng đồ loa máy phục vụ đám cưới lấy 01 cây gậy bằng kim loại dài 42cm, đường kính 2,5cm, dạng ống rút, cán bọc nỉ màu đen chạy đến đánh T. Lúc này, T cùng một số thanh niên đang đứng ngoài cổng chơi thấy vậy chạy vào để can ngăn. Khi vào tới nơi, thấy T đang bị anh C dùng gậy đánh vào vùng đầu và lưng, T chạy đến dùng tay đỡ rồi giật lấy gậy từ tay anh C. Tiếp đó, T cầm gậy ở tay phải vụt 02 cái hướng chéo từ trên xuống dưới, từ phải qua trái về phía ông P, anh C và anh L đang đứng, thì trúng 01 cái vào vùng hạ sườn trái của ông P. Sau đó, mọi người xung quanh đến can ngăn và đưa ông P đến Trạm y tá xã Q sơ cứu rồi chuyển đến Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình; còn T cầm theo gậy nhờ bạn chở về nhà cất giấu.

Ông P nằm điều trị tại Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình từ ngày 03/6/2018 đến chiều ngày 07/06/2018 thì ra viện. Đến sáng ngày 08/06/2018, khi đang ở nhà thì ông P thấy đau dữ dội ở vùng bụng nên được người nhà đưa đến Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình để cấp cứu, rồi chuyển vào Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới. Quá trình điều trị tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới phát hiện ông P bị vỡ lách

độ III, phải phẫu thuật cắt bỏ; ngoài ra còn phát hiện thấy ông P bị vỡ xương bờ dưới ổ chảo trái, gãy củ cung sau xương sườn 7 trái đã có hình ảnh can xương nhưng không hoàn toàn. Ông P nằm điều trị đến ngày 19/06/2018 thì ra viện.

Ngày 02/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 18/CSĐT trưng cầu Trung tâm giám định Y khoa-Pháp y tỉnh Quảng Bình giám định tỷ lệ thương tích của vết thương tại vùng trán và vết thương vùng hông trái làm vỡ lách là bao nhiêu? Cơ chế hình thành vết thương?

Ngày 27/7/2018, Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh Quảng Bình đã có Kết luận giám định thương tích số 62/Tgt, xác định tỷ lệ tổn thương của ông P tại vết thương ở vùng trán là 0%; tỷ lệ bị tổn hại sức khỏe vết thương do bị vỡ lách phải cắt bỏ hoàn toàn là 36 %; vết thương do vật tày gây nên.

Ngày 10/12/2018, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đã có Bản kết luận số 6465 kết luận:

- Về tỷ lệ % tổn thương cơ thể:
 - + Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại vết thương để lại sẹo ở vùng trán là 02 %;
 - + Tỷ lệ tổn thương cơ thể do chấn thương lách độ III, đã mổ cắt bỏ toàn bộ là 34%;
- Về cơ chế hình thành thương tích:
 - + Tổn thương ở vùng trán và tổn thương lách của ông P do vật tày gây nên;
 - + Tổn thương lách của ông P trên phim chụp CT.Scanner ngày 08/6/2018 là tổn thương lách thì 2, phù hợp với diễn biến tổn thương xảy ra ngày 03/06/2018; vết bầm tím vùng hạ sườn trái và tổn thương vỡ lách đều là hậu quả của lực tác động vào vùng hạ sườn trái.
 - + Không phát hiện thấy tổn thương xương sườn của ông P.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an thị xã B đã thu giữ: 01 cây gậy bằng kim loại dài 42cm, đường kính 2,5cm, phần cán bọc ni lông màu đen do Trần Thông T giao nộp; 02 vỏ chai bia nhãn hiệu HUDA bằng thủy tinh màu xanh đã bị vỡ thành nhiều mảnh.

Quá trình điều tra ông P và hai bị cáo T1 và T2 thỏa thuận bồi thường số tiền 112.000.000 đồng bao gồm các khoản chi phí điều trị thương tích, tổn thất về tinh thần và các chi phí khác. Ngày 18/4/2019 bị cáo T1 nộp số tiền 20.000.000

đồng tại chi cục thi hành án dân sự thị xã B để bồi cho ông P. Số tiền còn lại 92.000.000 đồng các bị cáo chưa bồi thường.

Liên quan trong vụ án có anh Trần Hùng C, đã có hành vi dùng gậy đánh Trần Văn T, nhưng không gây thương tích cho anh T2, nên Cơ quan điều tra đã chuyển Công an thị xã B xử phạt hành chính là phù hợp.

Tại Bản Cáo trạng số 09/CT-VKSTXBĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố bị cáo Trần Thông T về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Văn T về tội: “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thông T từ 36 đến 42 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357; khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 587; Điều 591 Bộ luật dân sự chấp nhận sự thỏa thuận giữa hai bị cáo và người bị hại, buộc bị cáo T1 và T2 phải bồi thường cho ông Mai Hoài P mỗi bị cáo số tiền 56.000.000 đồng, Trần Văn T đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thị xã B số tiền 20.000.000 đồng để bồi thường cho ông P.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy 01 cây gậy bằng kim loại dài 42cm, đường kính 2,5cm, phần cán bọc nỉ màu đen; 02 vỏ chai bia nhãn hiệu HUDA bằng thủy tinh màu xanh đã bị vỡ thành nhiều mảnh.

Sau khi nghe bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, các bị cáo không tham gia tranh luận, nhất trí với tội danh và khung hình phạt.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo Trần Thông T và Trần Văn T đã thống nhất khai nhận vào khoảng 11 giờ ngày 03/6/2018, tại sân trường Trung học cơ sở xã Q, thị xã B. Bị cáo T đã có hành vi dùng 01 cây gậy bằng kim loại đánh vào vùng hạ sườn trái của ông P gây tổn thương lách phải điều trị cắt bỏ hoàn toàn, gây tổn hại cơ thể tỷ lệ 34%; bị cáo T2 đã có hành vi dùng vỏ chai bia HUDA bằng thủy tinh ném vào vùng trán của ông P gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập trong quá trình điều tra. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trần Thông T phạm tội: “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Văn T phạm tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi: Trong vụ án có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên các bị cáo chỉ thực hiện bột phát, không có cấu kết, bàn bạc, phân công, vai trò, trách nhiệm từ trước nên chỉ đồng phạm giản đơn. Bị cáo T2 là người đã dùng chân đá vào mặt anh Mai Văn L trước, đây cũng là nguyên nhân xảy ra vụ việc và chính bị cáo đã dùng vỏ chai bia HUDA bằng thủy tinh ném vào vùng trán của ông P. Bị cáo T1, tuy không có mâu thuẫn gì với ông P nhưng do thấy bạn mình là T2 bị đánh nên đã vào can ngăn, trong quá trình can ngăn bị cáo đã dùng 01 cây gậy bằng kim loại đánh vào vùng hạ sườn trái của ông P. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm, hành vi đó không chỉ gây hậu quả nghiêm trọng cho sức khỏe mà còn làm ảnh hưởng đến khả năng lao động, sinh

hoạt của người bị hại, xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự của địa phương, gây nên sự bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là những thanh niên còn rất trẻ, có sức khỏe, có nghề nghiệp nhưng các bị cáo lại không tu chí làm ăn, tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xét xử nghiêm đối với các bị cáo, theo mức độ hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T1 đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra về việc tự nguyện giao nộp hung khí gây án trong quá trình giải quyết, bị cáo T2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong thời gian chuẩn bị xét xử mặc dù hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng bị cáo đã nộp số tiền 20.000.000 đồng để bồi thường cho người bị hại, nhằm khắc phục một phần hậu quả đã gây ra. Tại phiên tòa, người bị hại tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s, t khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo mức độ và điều kiện mà mỗi bị cáo được hưởng.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá trên, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo T1 ra ngoài xã hội một thời gian nhất định nhằm có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và răn đe phòng ngừa chung đối với xã hội. Đồng thời cần căn cứ vào khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử cho bị cáo dưới khung hình phạt nhằm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước ta. Xét thấy bị cáo T2 có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có khả năng tự cải tạo tốt, vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo T2 ra ngoài xã hội mà cần căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo tại địa phương là cũng đủ nghiêm và hoàn toàn phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị cáo T1, T2 và người bị hại là ông P đã thỏa thuận bồi thường số tiền 112.000.000 đồng bao gồm các khoản chi phí điều trị thương tích, tổn thất về tinh thần và các chi phí khác theo yêu cầu của ông P. Tại phiên tòa các bị cáo T1 và T2 thỏa thuận mỗi bị cáo bồi thường cho ông P số tiền 56.000.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận của các bị cáo

và người bị hại là hoàn toàn phù hợp, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận. Bị cáo T1 phải bồi thường cho ông P số tiền 56.000.000 đồng, bị cáo T2 phải bồi thường cho ông P số tiền 56.000.000 đồng nhưng được trừ số tiền 20.000.000 đồng bị cáo T2 đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, ngày 18/4/2019.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 cây gậy bằng kim loại và 02 vỏ chai bia nhãn hiệu HUDA bằng thủy tinh đã bị vỡ. Xét thấy, đây là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng nên cần căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu huỷ là hoàn toàn phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo Trần Thông T và Trần Văn T phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 134 Bộ luật Hình sự

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Thông T và Trần Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”

2. Về hình phạt:

- Áp dụng vào điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thông T 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 03/01/2019).

Tuyên bố tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Thông T với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo công tác thi hành án.

- Áp dụng vào điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi chỗ ở thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357; khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 587; Điều 591 Bộ luật dân sự xử buộc bị cáo Trần Thông T và Trần Văn T phải bồi thường cho ông Mai Hoài P mỗi bị cáo số tiền 56.000.000 đồng (bị cáo T2 đã nộp số tiền 20.000.000 đồng tại chi cục thi hành án dân sự thị xã B theo biên lai số 0003296 ngày 18/4/2019 để bồi thường cho ông P). Bị cáo T2 còn phải bồi thường tiếp cho ông P số tiền 36.000.000 đồng.

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 cây gậy bằng kim loại và 02 vỏ chai bia (Những vật chứng trên có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B và Chi cục thi hành án dân sự thị xã B ngày 15/3/2019).

5. Về án phí: Áp dụng vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; các điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14: Buộc bị cáo Trần Thông T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.800.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.800.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/4/2019.

"Kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm hoặc từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho người được thi hành án"

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

